TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS - ST
Ngày: 24/5/2019
V/v Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thu Dung.

2/ Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST - DS, ngày 20 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST - DS, ngày 10/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST - DS, ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà C5, khu B, quận H Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M theo Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ – NHCS, đề ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá H

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị Thu H.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 02 (hai) không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2018; các lời khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Bá H đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn tại Ngân hàng C cụ thể:

- Vay theo chương trình hộ nghèo: Ngày 29/9/2014 vay 40.000.000đ để chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất trong hạn 0.60%/tháng, lãi suất quá hạn 0.78%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng, đã gia hạn đến ngày 17/9/2018.

- Vay theo chương trình giải quyết việc làm: Ngày 25/8/2015 vay 20.000.000đ chăn nuôi bò, lãi suất trong hạn 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 0.715%/tháng, ngày đến hạn là 17/8/2018.

- Vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Ngày 17/01/2015 vay 12.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,80%/tháng, lãi suất quá hạn 1,040%/tháng, định kỳ 06 tháng trả 1.300.000đ nợ gốc, hạn trả nợ cuối cùng là 17/01/2020. Chương trình vay này chưa đến hạn nhưng ông H không trả lãi hàng tháng theo cam kết khi vay. Tính đến ngày 24/5/2019, ông H còn nợ gốc số tiền là 12.000.000đ và lãi số tiền là 1.709.280đ.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng ông H không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Để thu hồi nguồn vốn cho Nhà nước, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà V (bà V là vợ ông H) cùng phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ cả gốc lẫn lãi là 80.237.216đ, trong đó: nợ gốc là 72.000.000đ và nợ lãi là 8.273.216đ.

Tại bản tự khai ngày 31/01/2019, bị đơn là ông Nguyễn Bá H trình bày: Ông thừa nhận có vay tại Ngân hàng C, ông vay theo các chương trình gồm: Ngày 29/9/2014 vay hộ nghèo số tiền 40.000.000đ; ngày 25/8/2015 vay giải quyết việc làm số tiền 20.000.000đ và ngày 17/01/2015 vay nước sạch số tiền 12.000.000đ và hiện này ông còn nợ Ngân hàng số tiền 80.237.216đ cả gốc lẫn lãi như Ngân hàng yêu cầu là đúng nhưng ông chưa trả nợ được cho Ngân hàng vì điều kiện kinh tế gia đình ông gặp khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V và chị Nguyễn Thị Thu H:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho bà V, chị H nhưng bà V và chị H vắng mặt cũng như không nộp cho Tòa văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn

và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H và bà V phải trả cho Ngân hàng C tính đến ngày 24/5/2019 số tiền nợ gốc là 72.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 4.328.116đ; lãi quá hạn là 3.909.100đ và tiền lãi phát phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, bà V và chị H thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H, bà V và chị H không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà V và chị H.

Ông H, bà V và chị H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh nên ông H, bà V và chị Hphải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[2] Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 29/9/2014, Ngân hàng C đã giải Ngân cho ông Nguyễn Bá H vay số tiền 40.000.000đ để chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất tiền vay: 0,60%/tháng, lãi suất quá hạn 0,78%/tháng, đã gia hạn đến ngày 17/9/2018; Ngày 25/8/2015 vay 20.000.000đ chăn nuôi bò; lãi suất trong hạn 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 0.715%/tháng, đã gia hạn đến ngày 17/8/2018 và chương trình nước sạch số tiền 12.000.000đ giải ngân ngày 17/01/2015; lãi suất trong hạn 0,80%/tháng, lãi suất quá hạn 1,040%/tháng, định kỳ 06 tháng trả nợ gốc, hạn trả nợ cuối cùng là 17/01/2020.

Đến nay đã quá hạn trả nợ đối với hai dự án chăn nuôi bò sinh sản và giải quyết việc làm, chương trình nước sạch mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng ông H đã không trả gốc, lãi theo thỏa thuận là ông H đã vi phạm điều khoản ký kết trong Hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng của các chương trình vay là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự (BLDS) 2015. Ngân hàng yêu cầu ông H và bà V có trách nhiệm cùng trả nợ gốc và lãi phát sinh của các khoản vay trên. Xét thấy, khi gia hạn thời hạn đối với khoản vay 40.000.000đ vào ngày 14/9/2017 thì các thành viên hộ ông H gồm có: Ông H, bà V và chị H đã thống nhất cử ông H đại diện hộ gia đình đứng tên người vay thực hiện giao dịch với Ngân hàng là phù

hợp theo quy định tại Điều 101 BLDS 2015. Mặt khác, ông H vay vốn của Ngân hàng theo các chương trình cho vay hộ cận nghèo giải quyết việc làm - để chăn nuôi bò, nước sạch nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình và phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: "*1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này; 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này".*

Như vậy, Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ quy định tại Điều 288 BLDS 2015 nên cần buộc ông H và bà V có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng C tổng cộng số tiền vay cả gốc và lãi cho ba dự án là 80.237.216đ, trong đó: 72.000.000đ nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày 24/5/2019 là 8.237.216đ và tiền lãi phát phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định: "Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận" cụ thể: 80.237.216đ x 5% = 4.011.860đ (làm tròn 4.012.000đ) theo đó, ông H và bà V phải chịu án phí số tiền 4.012.000đ. Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 101, 103, 288, 463, 465, 466, 468, 470 và Điều 688 BLDS 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc ông H và bà V cùng phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 72.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 24/5/2019 là 8.237.216đ. Tổng cộng ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V cùng phải trả cho Ngân hàng C cả gốc và lãi số tiền là 80.237.216đ *(Tám mươi triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm mười sáu đồng)* và và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 25/5/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thoả thuận.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.012.000đ (*Bốn triệu không trăm mươi hai nghìn đồng*). Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2019), các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử: **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:**

Nguyễn Thị Thu Dung **Lê Thanh Sơn** **Nguyễn Thị Bích Vân**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Minh Trầng Thị Bích Thuỷ Phạm Minh Vương